

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các khu vực khi lắp đặt trạm thu, phát sóng thông tin di động phải xin giấy phép xây dựng ở các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 32/2014/QĐ-UBND
	Ngày: 15/9/2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 06 năm 2009;
Căn cứ Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viên thông;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các khu vực khi lắp đặt trạm thu, phát sóng thông tin di động phải xin giấy phép xây dựng ở các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2012 về Quy định các khu vực khi lắp đặt các trạm thu, phát sóng thông tin di động phải xin giấy phép xây dựng ở các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan, các tổ chức, cá nhân xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên địa bàn tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành phố;
- Trung tâm công báo, website AG;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: KT, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

QUY ĐỊNH

Các khu vực khi lắp đặt trạm thu, phát sóng thông tin di động phải xin giấy phép xây dựng ở các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 15/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các khu vực khi lắp đặt trạm thu, phát sóng thông tin di động (sau đây gọi tắt là trạm BTS) phải xin phép xây dựng, hoặc thỏa thuận địa điểm xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, lắp đặt các trạm BTS ở các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trạm BTS loại 1: Là công trình xây dựng bao gồm nhà trạm và cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động được xây dựng trên mặt đất.
2. Trạm BTS loại 2: Là cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động và thiết bị phụ trợ được lắp đặt trên các công trình đã được xây dựng.

Chương II

CẤP PHÉP XÂY DỰNG TRẠM BTS

Điều 4. Các loại giấy tờ về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất làm cơ sở để cấp phép xây dựng trạm BTS

Trạm BTS là công trình hạ tầng kỹ thuật, chủ đầu tư cần phải có một trong các loại giấy tờ sau đây:

1. Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
2. Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chính sách về đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.

5. Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất.

6. Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 kèm theo văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.

7. Giấy tờ về thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của pháp luật.

8. Giấy tờ về đất đai do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất.

9. Bản án hoặc Quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án.

10. Quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

Điều 5. Khu vực phải xin phép xây dựng, xin phép xây dựng tạm, thỏa thuận địa điểm khi lắp đặt trạm BTS

1. Khu vực phải xin phép xây dựng là các khu vực đô thị được quy định tại Phụ lục 02 của Quy định này.

2. Các trạm BTS loại 1:

a) Xây dựng trong khu vực phải xin phép xây dựng:

- Khi xây dựng ở khu vực phải xin phép thì phải có giấy phép xây dựng. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ theo Điều 7 và Điều 8 Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để xem xét, cấp phép xây dựng.

- Cấp giấy phép xây dựng tạm: Trong trường hợp không đủ điều kiện cấp phép, căn cứ theo Điều 6 Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để xem xét, cấp phép xây dựng tạm.

b) Xây dựng ngoài Khu vực phải xin phép xây dựng:

- Được lắp đặt trên các loại đất có giấy tờ quy định tại Điều 4 Quy định này, đất nông nghiệp và đất trồng cây lâu năm khác.

- Chủ đầu tư phải thỏa thuận địa điểm lắp đặt trạm BTS với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trước khi lắp đặt và được thống nhất bằng văn bản.

- Trường hợp lắp đặt trên đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm khác chỉ được xem xét thỏa thuận, thời gian thỏa thuận địa điểm lắp đặt là 05 (năm) năm. Sau 05 (năm) năm, nếu chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng tiếp thì phải xin thỏa thuận tiếp tục.

- Trong thời hạn thỏa thuận địa điểm, nếu có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ đầu tư phải tự di dời, tháo dỡ trạm BTS không điều kiện.

3. Các trạm BTS loại 2:

a) Khu vực đô thị khi lắp đặt trạm BTS loại 2 phải xin phép xây dựng được quy định tại khoản 1 điều này.

b) Các trạm được lắp đặt ở ngoài khu vực phải xin phép xây dựng thì chủ đầu tư phải thỏa thuận địa điểm với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trước khi lắp đặt và được thống nhất bằng văn bản.

Điều 6. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng các trạm BTS

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cấp Giấy phép xây dựng các trạm BTS trên địa bàn quản lý theo quy định; trừ các trạm BTS trong phạm vi được quy định thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

2. Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép xây dựng các trạm BTS theo quy định thuộc phạm vi giới hạn của đồ án quy hoạch chi tiết trong khu kinh tế do mình quản lý.

3. Sau khi cấp Giấy phép xây dựng, không quá 03 ngày kể từ ngày cấp phép, các đơn vị cấp phép phải gửi bản sao Giấy phép cho Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng để theo dõi, quản lý. Riêng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phải gửi bản sao Giấy phép cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi có khu kinh tế tỉnh.

Điều 7. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng, giấy phép xây dựng tạm, thỏa thuận địa điểm lắp đặt trạm BTS

1. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 1 bao gồm:

a) 01 đơn xin giấy phép xây dựng (Mẫu 01 Phụ lục 01);

b) 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) 02 bộ hồ sơ thiết kế đã được thẩm định theo quy định, bao gồm:

- Sơ đồ vị trí công trình;

- Mặt bằng móng tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200;

- Mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điện hình tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200;

- Sơ đồ đấu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200.

2. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng tạm đối với trạm BTS loại 1 bao gồm:

Như hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng thay tiêu đề Đơn xin giấy phép xây dựng bằng “Đơn xin cấp giấy phép xây dựng tạm”.

3. Hồ sơ xin thỏa thuận địa điểm đối với trạm BTS loại 1 bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận địa điểm xây dựng trạm BTS theo Mẫu số 03, Phụ lục 1;

b) 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 4 Quy định này, đất nông nghiệp và đất trồng cây lâu năm khác.

c) 02 bộ hồ sơ thiết kế đã được thẩm định theo quy định, bao gồm:

- Sơ đồ vị trí công trình;
- Mặt bằng móng tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200;
- Mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điển hình tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200;
- Sơ đồ đấu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200.

4. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 2 nằm trong khu vực phải xin giấy phép xây dựng bao gồm:

a) 01 đơn xin giấy phép xây dựng (Mẫu 02 Phụ lục 01);

b) 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật (chủ đầu tư phải có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà được quy định tại Điều 4 Quy định này).

c) 01 hợp đồng thuê mặt bằng đặt trạm với chủ công trình;

d) 02 bộ bản vẽ, bao gồm:

- Sơ đồ vị trí công trình;
- Bản vẽ các mặt đứng điển hình của trạm và cột ăng ten lắp đặt vào công trình tỉ lệ 1/100 ÷ 1/200;

5. Trường hợp chủ đầu tư thuê mặt bằng (đất, nhà, công trình) để xây dựng các trạm BTS thì phải bổ sung hợp đồng thuê mặt bằng (bản chính).

6. Thời gian cấp phép: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 1 theo Mẫu số 03 Phụ lục 1. Giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 2 theo Mẫu số 04 Phụ lục 1.

7. Đối với các trạm BTS xây dựng ngoài khu vực phải xin phép thì làm thủ tục thỏa thuận địa điểm. Thủ tục thỏa thuận địa điểm cũng giống như các thủ tục xin giấy phép xây dựng nhưng thay đơn xin giấy phép bằng Đơn đề nghị chấp thuận địa điểm xây dựng trạm BTS theo Mẫu số 05 Phụ lục 1. Thời gian xem xét chấp thuận địa điểm: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thông báo chấp thuận địa điểm theo Mẫu số 06 Phụ lục 1.

8. Nơi nộp hồ sơ:

a) Nơi tiếp nhận và trả kết quả, Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh An Giang;

b) Văn phòng Ban quản lý khu kinh tế.

Điều 8. Gia hạn giấy phép xây dựng

1. Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa được khởi công, thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn một lần. Thời gian gia hạn tối đa không quá 06 (sáu) tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư chưa khởi công xây dựng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 07 Phụ lục 1;
- b) Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, Ngành, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy định này và các quy định của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT, ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT);

c) Phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư để tạo điều kiện phát triển nhanh đầu tư các trạm BTS trên địa bàn.

2. Sở Xây dựng:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS và phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch:

Xác định các công trình di tích lịch sử văn hóa, khu bảo tồn di sản, đài tưởng niệm, khu du lịch cần phải đảm bảo cảnh quan, môi trường và hướng dẫn cấp phép các trạm BTS phù hợp chức năng nhiệm vụ của ngành.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Xác định các khu vực an ninh quốc phòng, khu vực phòng thủ, các khu vực cần phải giới hạn độ cao, chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương cấp phép xây dựng trạm BTS.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, thực hiện và giải quyết các vấn đề về sử dụng đất xây dựng trạm BTS.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

- a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn;
- b) Cấp phép xây dựng trạm BTS trên địa bàn quản lý theo quy định.
- c) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trạm BTS và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc cấp phép xây dựng.
- d) Hướng dẫn và công khai quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng trạm BTS trên địa bàn do mình quản lý theo quy định.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

Có trách nhiệm hướng dẫn và công khai quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng trạm BTS thuộc phạm vi quản lý.

8. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- a) Thực hiện việc giám sát, thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời các công trình xây dựng, lắp đặt các trạm BTS không đúng quy định báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý.
- b) Sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về việc lắp đặt các trạm BTS trên địa bàn phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để quản lý.

9. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và khai thác các trạm BTS trên địa bàn tỉnh An Giang có trách nhiệm:

- a) Khi triển khai xây dựng, lắp đặt các trạm BTS phải thực hiện xin giấy phép xây dựng theo quy định này và những quy định khác của pháp luật hiện hành.
- b) Đối với các trạm BTS loại 2, các tổ chức, cá nhân khi đầu tư xây dựng và khai thác phải thực hiện khảo sát, đánh giá, thẩm định công trình đã xây dựng trước khi thiết kế, lắp đặt; đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả khảo sát, đánh giá, thiết kế và lắp đặt công trình trạm BTS.
- c) Phải thông báo cho UBND cấp xã nơi lắp đặt trạm trong thời hạn 07 (bảy) ngày trước khi khởi công lắp đặt. Nội dung thông báo theo Mẫu 08 Phụ lục 01 của Quy định này.
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm do không thực hiện đúng các quy định của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT, Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- đ) Triển khai đúng theo thiết kế được phê duyệt và đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn nhà trạm, an toàn của các trụ ăng ten, đảm bảo an toàn điện, chống sét và phòng chống cháy nổ, an toàn bức xạ điện từ đến môi trường xung quanh.
- e) Thực hiện nghiêm túc việc kiểm định các trạm BTS trước khi đưa vào khai thác theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BTTTT và Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng. Báo cáo đến Sở Thông tin và Truyền thông chậm nhất trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được Giấy chứng nhận kiểm định công trình.

g) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất kế hoạch phát triển mạng thông tin di động tại mỗi địa phương.

h) Chậm nhất đến ngày 20 tháng 01 hàng năm, các doanh nghiệp phải gửi Kế hoạch, danh sách vị trí xây dựng mới các trạm BTS về Sở Thông tin và Truyền thông để được xem xét, phê duyệt theo quy hoạch.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân xây dựng trạm BTS không có giấy phép hoặc không có thỏa thuận địa điểm trước khi lắp đặt thì phải chịu xử lý vi phạm hành chính về xây dựng theo quy định. Sau đó, chủ đầu tư phải xin cấp phép hoặc thỏa thuận địa điểm theo Quy định này. Trường hợp không đủ điều kiện cấp phép hoặc chấp thuận địa điểm thì bắt buộc phải tháo dỡ không điều kiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, liên quan đến nội dung của Quy định này, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban, Ngành tỉnh và UBND các huyện, thị, thành đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung thay thế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục 01

CÁC MẪU ĐƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

MẪU 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình trạm và cột ăng ten xây dựng trên mặt đất – BTS loại 1)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Tên chủ đầu tư:
 - Người đại diện Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số Diện tích m².
 - Tại: Đường:
 - Phường (xã) Quận (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Nguồn gốc đất (thuộc quyền sử dụng của chủ đầu tư hay thuê)
3. Nội dung xin phép:
 - Loại trạm BTS:
 - Diện tích xây dựng: m².
 - Chiều cao trạm: m.
 - Loại ăng ten:
 - Chiều cao cột ăng ten: m.
 - Theo thiết kế:
4. Đơn vị hoặc người thiết kế:
 - Địa chỉ
 - Điện thoại
5. Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có):
 - Địa chỉ: Điện thoại
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có) : cấp ngày
6. Phương án phá dỡ, di dời (nếu có):
7. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.
8. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho trạm và cột ăng ten được lắp đặt vào công trình đã xây dựng- BTS loại 2)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Tên chủ đầu tư:
 - Người đại diện Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm lắp đặt:
 - Công trình được lắp đặt:
 - Chiều cao công trình: m.
 - Kết cấu nhà (nhà khung hay nhà xây):
 - Thuộc sở hữu của:
 - Tại: Đường:
 - Phường (xã) Quận (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Giấy tờ quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công trình:
 - Hợp đồng thuê địa điểm:
3. Nội dung xin phép:
 - Loại trạm BTS:
 - Diện tích mặt sàn: m².
 - Loại cột ăng ten:
 - Chiều cao cột ăng ten: m.
 - Theo thiết kế:
4. Đơn vị hoặc người thiết kế:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
5. Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có):
 - Địa chỉ: Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có) : cấp ngày
6. Phương án phá dỡ, di dời (nếu có):
7. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.
8. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

..... Ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: / GPXD

(Sử dụng cho công trình trạm BTS loại 1)

1. Cấp cho:

- Địa chỉ :

- Số nhà: ... Đường Phường (xã): Tỉnh, thành phố: ..

2. Được phép xây dựng công trình (loại trạm BTS):

Theo thiết kế có ký hiệu:

Do: lập

Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng: m².

- Loại cột ăng ten:

- Chiều cao ăng ten: m

- Trên lô đất: Diện tích m²

- Cốt nền xây dựng: chỉ giới xây dựng

Tại : đường

Phường (xã) Quận (huyện)

Tỉnh, thành phố

Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

.....ngày tháng năm

Cơ quan cấp giấy phép xây dựng

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: / GPXD
(Sử dụng cho công trình trạm BTS loại 2)

1. Cấp cho:
- Địa chỉ :
- Số nhà: ... Đường Phường (xã): Tỉnh, thành phố: ..

2. Được phép lắp đặt trạm thu phát sóng di động - BTS loại 2
Theo thiết kế có ký hiệu:
Do: lập
Gồm các nội dung sau đây:
- Diện tích sàn lắp đặt: m².
- Loại cột ăng ten:
- Chiều cao công trình được lắp đặt: m
- Chiều cao ăng ten: m
Tại : đường
Phường (xã) Quận (huyện).
Tỉnh, thành phố.
Hợp đồng thuê địa điểm:

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công lắp đặt trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp;
quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

.....ngày tháng năm
Cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

MẪU 05

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TRẠM BTS

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

.....⁽¹⁾

Địa chỉ:

Điện thoại:

Có giấy đăng ký kinh doanh số:.....do cấp

.....⁽¹⁾ có kế hoạch xây dựng trạm BTS tại phường (xã) như sau:

STT	Tên/Ký hiệu trạm	Kinh độ	Vĩ độ	Chiều cao	Loại	Địa chỉ

.....⁽¹⁾ đề nghị UBND phường (xã)..... xem xét chấp thuận địa điểm xây dựng trạm BTS nêu trên.

Xin chân thành cảm ơn.

....., Ngày tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Tên đơn vị xin chấp thuận địa điểm

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
V/v chấp thuận địa điểm xây dựng trạm BTS

Ngày..... tháng..... năm....., UBND.....⁽¹⁾ nhận được Hồ sơ đề nghị chấp thuận địa điểm xây dựng trạm BTS của⁽²⁾.

Qua xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận địa điểm, UBND.....⁽¹⁾ thống nhất các địa điểm lắp đặt trạm BTS như sau:

STT	Tên/Ký hiệu trạm	Kinh độ	Vĩ độ	Chiều cao	Loại	Địa chỉ

Thông báo chấp thuận địa điểm có hiệu lực 05 (năm) kể từ ngày ra thông báo. Sau khi hết thời hạn chấp thuận địa điểm, ...⁽²⁾ phải đề nghị chấp thuận địa điểm tiếp tục hoặc tháo dỡ trạm BTS.

UBND.....⁽¹⁾ thông báo đến⁽²⁾ và các đơn vị liên quan biết để tổ chức thực hiện./.

.....ngày tháng năm

CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
 - Phòng KTHT, Phòng VHTT;
 - UBND xã, phường, thị trấn liên quan;
 - Sở Thông tin và Truyền thông;
 - Lưu:

(1): Huyện, thị xã, thành phố thông báo chấp thuận địa điểm;

(2): Tên đơn vị đề nghị chấp thuận địa điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Tên chủ đầu tư:
hoặc tên người đại diện
2. Địa chỉ thường trú:
- Số nhà:.....đường:
Phường (xã, thị trấn):.....huyện (TP,TX):.....
- Số điện thoại:
Là chủ đầu tư công trình:
- Số nhà:.....đường:
Phường (xã, thị trấn):.....huyện (TP,TX):.....
Đã được cấp Giấy phép xây dựng số:...../GPXD
ngày.....tháng.....năm.....
3. Lý do gia hạn:
.....
.....
.....
.....

Đính kèm:

- Giấy phép xây dựng (bản chính).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Về việc lắp đặt trạm BTS

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

.....⁽¹⁾

Địa chỉ:

Điện thoại:

Có giấy đăng ký kinh doanh số:.....do cấp

Đã ký hợp đồng số:, ngày:..... thuê vị trí để lắp đặt trạm BTS với
.....⁽²⁾, địa chỉ tại:

.....⁽¹⁾ xin thông báo với UBND phường (xã).....
.....⁽¹⁾ sẽ dự định lắp đặt trạm BTS tại vị trí thuê nêu trên vào khoảng thời
gian từ ngày..... đến ngày.....

Đề nghị UBND phường (xã) tạo điều kiện và giúp đỡ⁽¹⁾ hoàn
thành tốt việc lắp đặt này.⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định
có liên quan của Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn.

....., Ngày tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Tên đơn vị xin chấp thuận địa điểm

(2): Tên đơn vị hoặc hộ gia đình cho thuê

Phụ lục 2
KHU VỰC TRUNG TÂM VĂN HOÁ, CHÍNH TRỊ CÀN PHẢI
QUẢN LÝ VỀ KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ
(KHI LẮP ĐẶT TRẠM BTS PHẢI XIN PHÉP XÂY DỰNG)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2014/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 09 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Huyện, thị, thành	Phường, thị trấn	Khu vực phải xin phép
1	Long Xuyên		- Toàn Phường Mỹ Long, Mỹ Bình, Mỹ Xuyên. - Khu Lưu niệm Bác Tôn – xã Mỹ Hòa Hưng. - Cụm CN Mỹ Quý - Phường Mỹ Quý. - Cụm CN-TTCN Tây Huề 2 - Phường Mỹ Hoà. - Đình Mỹ Thới - Phường Mỹ Thới. - Chùa Phước Thạnh - Phường Mỹ Thới. - Chùa Đông Thạnh - Phường Mỹ Phước. - Lũ 6 Pháo Bình - Phường Bình Đức.
2	Châu Đốc		- Toàn Phường Châu Phú A, Châu Phú B, Phường Núi Sam, Phường Vĩnh Mỹ; - Khu vực Đình Vĩnh Nguơn – Phường Vĩnh Nguơn; - Khu vực Chùa Bà Bài – Xã Vĩnh Tế.
3	An Phú	Thị trấn An Phú	- Ấp An Hưng. - Cụm CN An Phú. - Ban CHQS huyện.
		Thị trấn Long Bình	- Ấp Tân Bình, Ấp Tân Thạnh. - Đồn Biên Phòng Long Bình.
4	Tân Châu	Thị trấn Tân Châu	- Trần Hưng Đạo – toàn tuyến. - Tôn Đức Thắng - đầu Trần Phú đến cuối Trần Hưng Đạo. - Nguyễn Tri Phương - đầu Trần Hưng Đạo đến cuối Trần Phú. - Trần Phú – toàn tuyến (khu vực bến xe). - Phạm Hùng – toàn tuyến (khu vực Công an huyện). - Thoại Ngọc Hầu – toàn tuyến (khu vực Bưu điện). - Nguyễn Chí Thanh – toàn tuyến (khu vực Điện lực). - Nguyễn Văn Linh – toàn tuyến. - Lê Hồng Phong – toàn tuyến. - Nguyễn Văn Cừ - từ Nguyễn Văn Linh đến Lê Hồng Phong. - Trường Chinh - từ Nguyễn Văn Linh đến Lê Hồng Phong. - Đình Thần Long Phú.
5	Châu Thành	Thị trấn An Châu	- Khu vực Trung tâm thương mại thị trấn An Châu.
6	Chợ Mới	Thị trấn Mỹ Luông	- Đường 942 (cũ), ấp Thị.
		Thị trấn Chợ Mới	- Đường Nguyễn Huệ, ấp Thị. - Đường Trần Hưng Đạo, ấp Thị. - Đình Chương Bình Lễ, Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

7	Tri Tôn	Thị trấn Tri Tôn	- Đường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, 3 tháng 2, Hùng Vương, Lê Thánh Tôn, Lê Hồng Phong, Cách Mạng tháng 8, Lê Lợi. - Chùa Soài Tông A. - Chùa Xvayton. - Ban CHQS huyện.
		Thị trấn Ba Chúc	- Nhà Mô Ba Chúc. - Chùa Tam Bửu. - Chùa Phi Lai.
8	Thoại Sơn	Thị trấn Núi Sập	- Tỉnh lộ 943 từ cầu Cổng Vong đến cuối đường Lâm Thanh Hồng, hướng Tây kênh Gạch Giá – Long Xuyên, hướng Đông kênh vành đai núi. - Cụm Công nghiệp Núi Sập. - Bĩa Thoại Sơn. - Ban CHQS huyện. - Đài TT Vi Ba.
		Thị trấn Phú Hoà	- Bắc: Cầu Phú Hoà, Nam: kênh Xã Đội đến hướng Phú Thuận 600m, Tây: hết KDC Sao Mai, Đông: Gạch Bờ Ao. - Cụm Công Nghiệp Phú Hoà.
		Thị trấn Óc Eo	- Bắc: kênh Ba Thê, Đông: Cầu Ba Thê 5, Tây: cầu sắt Núi Nhỏ, Nam: Đường Vành Đai. - Khu di tích Gò Cây Thị. - Hai Bĩa Đá và Tượng Phật Bốn Tay. - Nam Linh Sơn Tự. - Trường Quân Sự.
9	Phú Tân	Thị trấn Chợ Vàm	- Dọc lộ 954 (Trường PTTH Nguyễn Chí Thanh “Điểm phụ” đến Trương Mâm Non).
		Thị trấn Phú Mỹ	- Khu Trung Tâm Thương Mại. - Khu Vực hành chính huyện. - Khu vực chợ Mỹ Lương (Tổ Đình – Phòng GD&ĐT). - Chợ Đình (Trung tâm GDTX - Bến tàu).
10	Châu Phú	Thị trấn Cái Dầu	- Dọc Quốc lộ 91, từ cầu Phù Dật đến cầu chữ S: phía tây trong khoảng 200m tính từ Quốc lộ 91, phía đông khoảng cách 100m tính từ Quốc lộ 91. - Đình Bình Long.
11	Tịnh Biên	Thị trấn Nhà Bàng	- Quốc lộ 91 từ UBND huyện đến cổng Ô Mai. - Từ ngã ba chợ Nhà Bàng – TL 948 đường vào xã Thới Sơn. - Từ Quốc lộ 91 – giáp ranh xã Nhơn Hưng. - Ban CHQS huyện.
		Thị trấn Tịnh Biên	- Quốc lộ 91 từ cửa 13 - cầu Hữu Nghị. - Quốc lộ N1 từ cầu 19 – Xuân Tô 1. - Đường HL 17 từ Quốc lộ 91 – ngã ba Phú Cường. - Cụm CN Xuân Tô. - Đồn Biên Phòng Tịnh Biên.
		Thị trấn Chi Lăng	- Tỉnh lộ 948 từ giáp ranh xã Vĩnh Trung – giáp ranh xã Tân Lợi; các đường trong nội thị. - Sư Đoàn 330.